

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-PT

Ngày: 25 - 05 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Tùng

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 và 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 8/2023/TLPT-HS, ngày 10 tháng 3 năm 2023, đối với 12 bị cáo; do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST, ngày 02 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc T (tên gọi khác: **Trâm L**), sinh ngày: 18/8/2005; tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: **Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn H** và bà **Trần Thị Tuyết M**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982 là cha bị cáo; địa chỉ: **Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Thanh Đ** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

2. Trần Hoàng T1, sinh ngày: 02/12/2007; tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: **Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn H** và bà **Trần Thị Tuyết M**. Nhân thân: Ngày 29/11/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh

Tây Ninh xử phạt 09 năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982 là cha bị cáo; địa chỉ: **Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Minh H1** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**; có mặt.

3. Huỳnh Nhật H2 (tên gọi khác: **Huy N**), sinh ngày: 29/02/2008. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Huỳnh Minh H3** và bà **Nguyễn Ngọc D**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Huỳnh Minh H3**, sinh năm 1976 và bà **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1979 là cha mẹ của bị cáo. Cùng địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Văn C** là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**; có mặt.

4. Võ Chí K, sinh ngày: 02/10/2003. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Võ Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Kim N1**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2022 cho đến nay; có mặt.

5. Hồ Vũ L1 (tên gọi khác B), sinh ngày: 15/12/2007. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha: Vô danh; mẹ bà **Hồ Thị Kim H4**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà **Hồ Thị Kim H4**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thanh H5** là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**; có mặt.

6. Lê Quốc K1, sinh ngày: 10/8/2007. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Lê Văn P** và bà **Lê Thị Kim D1**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: bà **Lê Thị Kim D1**, sinh năm 1989 là mẹ của bị cáo. Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L2** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**; có mặt.

7. Lê Thanh H6, sinh ngày: 09/3/2006. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: lớp

8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn L3 và bà Lưu Thị Mỹ H7. Nhân thân: Ngày 15/10/2020, bị Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh phạt cảnh cáo về hành vi tàng trữ, cất giấu trong người đồ vật, phương tiện giao thông, các loại dao, các loại công cụ, phương tiện khác nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích. Ngày 15/01/2021, bị Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 25/11/2022, bị Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt; tiền án: không có; tiền sự: không có (Đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: bà Lưu Thị Mỹ H7, sinh năm 1978 là mẹ của bị cáo; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc L2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

8. Nguyễn Hoàng V (tên gọi khác: Vũ M1), sinh ngày: 24/9/2005. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Đ1; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Thanh Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

9. Nguyễn Văn N2, sinh ngày: 05/4/2005. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H8 (đã chết) và bà Bùi Thị Mỹ N3; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Bùi Thị Mỹ N3, sinh năm 1985 là mẹ của bị cáo. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Thái H9 là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

10. Phạm Tường V1, sinh ngày: 19/6/2007. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Huy H10 và bà Trương Thị Kim Q; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: bà Trương Thị Kim Q, sinh năm 1985 là mẹ của bị cáo. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thanh H5 là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

11. Nguyễn Thị Ngọc N4, sinh ngày: 17/4/2005. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha: Vô danh; mẹ bà **Nguyễn Thị N1**; tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Văn C** là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**; có mặt.

12. Nguyễn Thị Thu H11, sinh ngày: 28/6/2006. Tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông **Nguyễn Văn C2** và bà **Nguyễn Thị Kim A**; chồng: Vô danh; con có 01 người sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không có. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Nguyễn Văn C2**, sinh năm 1985 là cha mẹ của bị cáo. địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Minh H1** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**; có mặt.

Bị hại: **Nguyễn Hoàng T3**, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2006; địa chỉ: **Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương**, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **Nguyễn Thị Kim D2**, sinh năm 1975 là mẹ của bị hại; địa chỉ: **Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương**; có mặt.

Ngoài ra còn 02 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc T có mâu thuẫn với **Nguyễn Công C3**, **Nguyễn Hoàng T3** nên ngày 08/5/2022, **T** hện với **Trần Thị Cẩm T4** là bạn của nhóm **C3**, **T3** gặp tại khu vực **Công ty Đ2** thuộc **ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh** để đánh nhau.

Nhóm của **T4** gồm: **T4, T3, C3, Võ Lê Ngọc T5, Nguyễn Tuấn A1** và **Phan Thị Minh T6**.

Nhóm của **T5** gồm: **T5, T3, C3, Võ Lê Ngọc T5, A1, T6, Hồ Vũ L1, Phạm Tường V1, Trần Hoàng T1** (em ruột **T5**), **Lê Quốc K1, Lê Thanh H6, Huỳnh Nhật H2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Thị Ngọc N4, Nguyễn Thị Thu H11**. Nhóm của **T5** hện tụ tập tại quán **T7** thuộc khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Nữ rủ thêm **Trần Văn L4** và **Võ Chí K** cùng tham gia đánh nhau. Khi đến quán thì **Nguyễn Quý E** biết **T5** cùng cả nhóm đi đánh nhau nên xin cùng tham gia.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, hai nhóm đến địa điểm đã hẹn để giải quyết mâu thuẫn. Nguyễn Thị Ngọc T và Trần Thị Cẩm T4 mỗi người cầm 01 mũ bảo hiểm xông vào xô sát thì N4, H11 chạy đến cùng đánh T4 nên T4 bỏ chạy đứng sang một bên. Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nắm áo T3 rồi dùng tay đánh vào mặt của T3; còn L4, K dùng tay đánh T3 nên T3 bỏ chạy xuống đám ruộng cặp lề đường, T3 chạy được khoảng 10 mét vấp ngã thì bị nhiều người nhóm của T xông vào dùng tay, chân, mũ bảo hiểm để đánh T3 trúng vào phần đầu, vào lưng, vai và mặt của T3 gây đa thương tích.

Sau đó, T3 được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T điều trị đến ngày 10/5/2022, mẹ ruột T3 là bà Nguyễn Thị Kim D2 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Ngọc T, Trong, L1, V1, N4, H11, K1, H6, N2, H2, V, L4, Quí E, K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng T3 do thương tích gây nên hiện tại là 36% (Ba mươi sáu phần trăm).

Kết luận giám định pháp y về độ tuổi: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận khám lâm sàng xác định tại thời điểm giám định của các bị can (tháng 6 năm 2022) có độ tuổi 14 năm 06 tháng đến 18 năm tuổi.

Vật chứng thu giữ: 01 mũ bảo hiểm màu trắng đen có trọng lượng 460 gam, bên trong có chữ ASIAN; 01 mũ bảo hiểm màu trắng đỏ có trọng lượng 420 gam, bên trong có chữ Andes; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có dạng lưỡi trai, trọng lượng 250 gam, phía trước có chữ A2, bên phải mũ bị vỡ.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Hoàng T3 yêu cầu bồi thường số tiền 75.596.000 đồng. Các bị cáo L4 bồi thường 5.000.000 đồng; bị cáo Em bồi thường 10.000.000 đồng; gia đình bị cáo N4 bồi thường 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo H2 bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo V bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo H6 bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo K1 bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo L1 bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo T, Trong bồi thường 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo H11 bồi thường 1.000.000 đồng; gia đình bị cáo N2 bồi thường 4.000.000 đồng; gia đình bị cáo V1 bồi thường 1.000.000 đồng; gia đình bị cáo K bồi thường 5.000.000 đồng.

Hành vi Trần Thị Cẩm T4 dùng mũ bảo hiểm đánh Nguyễn Thị Ngọc T nhưng không gây thương tích, Công an huyện B có công văn đề nghị Công an xã L, huyện B xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST, ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số: 22/2022/HS-ST-CTN ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt **Trần Hoàng T1** 09 (chín) năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Buộc **Trần Hoàng T1** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15 tháng 7 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Nhật H2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Chí K** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19 tháng 8 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hồ Vũ L1** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Quốc K1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thanh H6** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc N4** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử

phạt bị cáo **Phạm Tường V1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H11** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo **Trần Văn L4** (SN 2000) 03 năm tù và bị cáo **Nguyễn Quý E1** (SN 1999) 03 năm tù; các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình và quyền kháng cáo theo luật định.

Từ ngày 06 đến 12/02/2023 các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo với lý do do tuổi nhỏ, không lường trước được hậu quả; gia đình có công với cách mạng và đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX đánh giá mức độ hành vi của các bị cáo lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo và đa số các bị cáo là người chưa thành niên nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Riêng người bào chữa cho bị cáo **N2** đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 6 Điều 134 của BLHS.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **N4**, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về giảm hình phạt cho bị cáo **N4** cho tương xứng với các bị cáo khác có cùng hành vi, những nội dung khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp của bị hại xác định đã nhận đủ tiền gia đình các bị cáo bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên, không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo **T**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trong: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, bị cáo không hiểu biết pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo **H2**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **K**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, do tuổi nhỏ bồng bột, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **L1**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **K1**: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **H6**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **V**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **N2**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **V1**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **N4**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **H11**: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo cũng thống nhất với lời trình bày của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 02/02/2023; trong thời gian từ ngày 06 đến 12/02/2023 các bị cáo (12 bị cáo) kháng cáo, đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Do có mâu thuẫn giữa **Nguyễn Thị Ngọc T** với **Nguyễn Công C3**, **Nguyễn Hoàng T3** nên **T** hện với nhóm của **T3** gặp để đánh nhau. Trưa ngày 08/5/2022, tại **ấp T, xã L, huyện B** hai nhóm đã xảy ra xô sát, nhóm của **T** với số lượng 14 người đã dùng tay, chân, nón bảo hiểm gây thương tích cho **Nguyễn Hoàng T3**. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự

Mặc dù không có tính tổ chức, nhưng các bị cáo thống nhất về ý chí và cùng hành động. Trong đó một số bị cáo dùng nón bảo hiểm, một số bị cáo dùng tay, chân gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ tổn thương là 36%, một số bị cáo la hét, cổ vũ, trợ giúp về tinh thần. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, lời bào chữa của những người bào chữa cho các bị cáo và lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nhiều người gây thương tích cho một người, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã đánh giá

tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phân hóa vai trò, độ tuổi của từng bị cáo và đã xử phạt các bị cáo với mức án như trên là phù hợp, không nặng. Riêng bị cáo **N4** thuộc nhóm cổ vũ cho các bị cáo khác nhưng cấp sơ thẩm xử phạt cao hơn các bị cáo cùng nhóm đứng ngoài là chưa bảo đảm công bằng giữa các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **N4** và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Kháng cáo của các bị cáo khác không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo **N4** được chấp nhận một phần nên bị cáo **N4** không phải chịu; các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T, Võ Chí K, Lê Thanh H6, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N2** phải chịu theo luật định. Các bị cáo còn lại được miễn.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc N4**; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo khác, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **N4**.

Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Thị Ngọc T, Trần Hoàng T1, Huỳnh Nhật H2, Võ Chí K, Hồ Vũ L1, Lê Quốc K1, Lê Thanh H6, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N2, Phạm Tường V1, Nguyễn Thị Ngọc N4, Nguyễn Thị Thu H11** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2022.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số: 22/2022/HS-ST-CTN ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt **Trần Hoàng T1** 09 (chín) năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Buộc **Trần Hoàng T1** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14 tháng 6 năm 2022.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Nhật H2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Chí K** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19 tháng 8 năm 2022.

1.5. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hồ Vũ L1** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.6. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Quốc K1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.7. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thanh H6** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.8. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.9. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.10. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc N4** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.11. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử

phạt bị cáo **Phạm Tường V1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.12. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H11** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T**, **Võ Chí K**, **Lê Thanh H6**, **Nguyễn Hoàng V**, **Nguyễn Văn N2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Miễn án phí cho các bị cáo **Trần Hoàng T1**, **Huỳnh Nhật H2**, **Hồ Vũ L1**, **Lê Quốc K1**, **Phạm Tường V1**, **Nguyễn Thị Thu H11**.

Bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc N4** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện BC;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện BC;
- CCTHADS huyện BC;
- VKSND huyện BC;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh